TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày: 02-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trọng Hiếu.

2. Ông Dương Tấn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Tấn Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Diệp- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Không đăng ký; Chỗ ở: Sống lang thang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha vô danh, mẹ vô danh; Bị cáo chưa có vợ;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam, tạm giữ từ ngày 08/11/2023 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1978; Địa chỉ thường trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An; Nơi tạm trú: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 06/11/2023, Nguyễn Văn T thuê xe honda ôm đi từ xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đến Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An tìm người tên T1 (không rõ họ tên, địa chỉ) để xin việc làm vì trước đó T có làm thuê cho anh T1 nên biết. Khoảng 01 giờ ngày 07/11/2023 khi đến khu vực thuộc Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An, lúc này T nhìn thấy có quán cơm tên X mở đèn sáng, cửa khép hờ nên nảy sinh ý định vào quán trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. T kêu xe ôm dừng lại cho T xuống xe và dặn khi nào T gọi thì quay lại rước. Tiếp đó, T đi lại quán cơm đột nhập vào bên trong thấy bà Nguyễn Thị X đang nằm ngủ trên tấm nệm trong phòng, trên đầu tấm nệm có để 01 điện thoại di động hiệu Oppo A9 màu trắng xanh nên T lấy điện thoại bỏ vào túi quần phía trước. Sau đó, T nhìn thấy trên bàn trong phòng ngủ có cái bóp da màu đen loại một ngăn kéo để trong cái rổ bằng nhựa, T mở dây kéo ra xem phát hiện bên trong bóp có số tiền 3.775.000 đồng được cuộn tròn làm 2 xấp với nhiều mệnh giá khác nhau nên T lấy 2 xấp tiền trên bỏ vào túi quần rồi đi ra ngoài về hướng Chợ L. Trên đường đi, T đã tháo 02 sim điện thoại ra vứt ở lề đường. Khoảng 2 giờ cùng ngày, bà X phát hiện bị mất tài sản nên trình báo Công an. Qua công tác tuần tra, Công an xã L phát hiện T có biểu hiện nghi vấn nên mời về làm việc thì T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 35/KL-HĐĐGTX ngày 13/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận 01 điện thoại Oppo A9, mua mới tháng 01/2021, mất ngày 07/11/2023 và 02 sim số 0943.945.049 và 0838.389.115 có tổng giá trị tài sản là 3.267.000đồng.

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 dây kim loại màu vàng, 01 mặt kim loại màu vàng có đính 01 viên đá màu trắng, 01 điện thoại Nokia màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng xanh và số tiền 4.509.000 đồng. Qua điều tra, xác định số tiền 734.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia, 01 dây kim loại màu vàng, 01 mặt kim loại màu vàng có đính 01 viên đá màu trắng là tài sản cá nhân của T, số tiền 3.775.000 đồng và 01 điện thoại di động Oppo A9 là tài sản của bà Nguyễn Thị X. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho T và bà X.

Tại Cáo trạng số: 03/CT-VKSCĐ ngày 25/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, xét bị cáo T không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng đã nêu và đồng ý với các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Viện kiểm sát

nhân dân huyện C truy tố Bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội nên không tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có căn cứ xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Bị hại vắng mặt không có lý do nhưng không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự xét xử vắng mặt bị hại.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản xác định hình ảnh, biên bản hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thu thập trong tố tụng hình sự có đủ cơ sở xác định.

Do cần tiền để tiêu xài nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà không phải bỏ ra công sức lao động nên vào khoảng 01 giờ ngày 07/11/2023, bị cáo Nguyễn Văn T đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt một 01 điện thoại di động hiệu Oppo A9 màu trắng xanh trị giá 3.267.000 đồng và số tiền mặt 3.775.000 đồng của bà Nguyễn Thị X. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.042.000 đồng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T ra trước Tòa án nhân dân huyện C để xét xử về tội danh và điều luật trên là có căn cứ.

[4] Căn cứ quyết định hình phạt:

[4.1] Về lỗi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây thiệt hại về mặt vật chất mà còn gây ảnh hưởng xấu cho trật tự an toàn xã hội ở địa phương, xâm phạm pháp luật hình sự, bị cáo là người đã thành niên và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác luôn được pháp luật bảo vệ nhưng muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải bỏ ra công sức lao động nên bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị X do vậy lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp.

[4.2] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi đã gây ra, tài sản chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại. Do vậy, áp dụng theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4.3] Về áp dụng hình phạt: Hiện nay, tình hình trộm cắp tại địa phương vẫn còn nhiều, hành vi phạm tội ngày càng mạnh động, gây bức xúc lớn trong nhân dân và xã hội, tạo cho mọi người có cảm giác không yên tâm trong đời sống sinh hoạt. Do vậy, phải áp dụng hình phạt nghiêm để răn đe và phòng ngừa chung, cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo thành công dân tốt và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Xét bị cáo T không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về vật chứng: Qua điều tra, xác định số tiền 734.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia, 01 dây kim loại màu vàng, 01 mặt kim loại màu vàng có đính 01 viên đá màu trắng là tài sản cá nhân của T, số tiền 3.775.000 đồng và 01 điện thoại di động Oppo A9 là tài sản của bà Nguyễn Thị X. Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại tài sản cho bị cáo T và bà X là phù hợp với quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà X đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (Sáu) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bắt tạm giam, tạm giữ ngày 08/11/2023. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (02/02/2024) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- VKSND huyện (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- Các đương sự (01b);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Như Quyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Phượng – Trương Thành Phương **Nguyễn Ngọc Thám**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- VKSND huyện (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- Các đương sự (01b);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thám